



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.06S.2025.1692>

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA SỐ TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Kim Ngân

Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

Email: ngannnguyen214@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 07/11/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 13/11/2025; Ngày duyệt đăng: 24/11/2025

Tóm tắt

Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng phát triển văn hóa số trong các trường trung học cơ sở tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu được khảo sát với 37 cán bộ quản lý và 173 giáo viên tại 07 trường trung học cơ sở ở địa bàn này. Dữ liệu thu thập bằng bảng hỏi định lượng theo thang đo Likert 5 mức với 3 thành tố chính được đánh giá: vai trò; nội dung và các điều kiện phát triển văn hóa số. Kết quả cho thấy vai trò hiệu trưởng trong phát triển văn hóa được đánh giá rất ảnh hưởng; các nội dung về văn hóa giảng dạy và hệ giá trị cốt lõi đạt mức khá - tiệm cận tốt, trong khi văn hóa quản lý, văn hóa học tập và văn hóa ứng xử chủ yếu ở mức khá. Điều kiện hỗ trợ có khác biệt: vật lực được đánh giá cao nhất, còn khung pháp lý, dữ liệu, hệ thống thông tin còn ở mức thấp nhất. Đây là cơ sở thực tiễn để các nhà quản lý giáo dục quan tâm và nâng cao công tác phát triển văn hóa số trong các trường Trung học cơ sở ở Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

Từ khóa: *Bình Tân, phát triển văn hóa số, trung học cơ sở, văn hóa số, văn hóa số trong nhà trường.*

Trích dẫn: Nguyễn, T. K. N. (2025). Thực trạng phát triển văn hóa số trong các trường trung học cơ sở ở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(06S), 268-278. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.06S.2025.1692>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT STATUS OF DIGITAL CULTURE DEVELOPMENT IN LOWER SECONDARY SCHOOLS IN BINH TAN DISTRICT, HO CHI MINH CITY

Nguyen Thi Kim Ngan

Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

Email: ngannnguyen214@gmail.com

Article history

Received: 07/11/2025; Received in revised form: 13/11/2025; Accepted: 24/11/2025

Abstract

The article assesses the current state of digital culture development in lower secondary schools in Binh Tan District, Ho Chi Minh City. The study surveyed 37 school managers and 173 teachers across seven lower secondary schools via a quantitative questionnaire using a 5-point Likert scale. It aimed to evaluate three core components: roles, content, and enabling conditions for digital culture development. Findings indicate that the principal's role is perceived as highly influential. Teaching culture and core values are rated at a fairly good-approaching good-level, while management culture, learning culture, and interaction/behavior culture are mostly at a fairly good level. However, supportive conditions vary: physical resources receive the highest ratings, whereas the legal framework, data, and information systems are rated the lowest. These results provide practical grounds for education managers to prioritize and enhance digital culture development in secondary schools in Ho Chi Minh City in the coming period.

Keywords: *Binh Tan, digital culture development, digital culture, digital culture in schools, secondary education.*

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, Việt Nam xác định mục tiêu đến năm 2025-2030 hình thành môi trường số an toàn, nhân văn, đổi mới phương thức quản trị công và hoạt động hiệu quả trong giáo dục, trong đó nhà trường là thiết chế then chốt triển khai và lan tỏa giá trị số. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia và Quyết định số 131/QĐ-TTg về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục đã nhấn mạnh yêu cầu tích hợp mục tiêu số hóa vào chiến lược, chương trình và quản trị nhà trường ở các cấp phổ thông. (Thủ tướng Chính phủ, 2020; 2022).

Đánh giá về chuyển đổi số giáo dục, nhiều nghiên cứu trong nước cho thấy văn hóa số của nhà trường chịu tác động đồng thời bởi lãnh đạo nhà trường, năng lực số của đội ngũ, và cơ chế quản trị - và cơ sở dữ liệu, hạ tầng (Vân An, 2023; Hoàng, 2024). Ở giáo dục phổ thông và đại học, các khảo sát gần đây ghi nhận mức độ không đồng đều về sẵn sàng tham gia môi trường số, đặc biệt ở năng lực số của giáo viên(GV)/giảng viên và khuôn khổ vận hành văn hóa số trong nhà trường (Vân An, 2023; Trần, 2023). Bên cạnh đó, các công trình về văn hóa nhà trường trong bối cảnh chuyển đổi số nhấn mạnh vai trò của giá trị cốt lõi, chuẩn mực ứng xử, và quản trị chuyên môn như nền tảng để công nghệ phát huy hiệu quả (Nguyễn & cs., 2022). Ở góc nhìn khác, việc tiếp cận văn hoá số cần được xem xét như một hệ giá trị, niềm tin và chuẩn mực mới trong môi trường giáo dục số, tác động đến nhận thức và hành vi của cán bộ quản lý (CBQL), GV và học sinh (Nguyễn & cs., 2024).

Về phương thức triển khai, nhiều tác giả trong nước khuyến nghị vận dụng chu trình PDCA để thể chế hóa mục tiêu, giám sát và cải tiến thực hành số ở cấp trường; bằng chứng cho thấy PDCA giúp nâng chất quy trình dạy - học và quản lý khi gắn với chỉ số/kết quả đầu ra rõ ràng (Cao, 2023). Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025) đã ban hành khung năng lực số cho người học nhằm tạo căn cứ chuẩn hóa năng lực và là điểm tựa để các trường thiết kế hoạt động phát triển văn hóa số phù hợp ở từng địa phương.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển văn hóa số trong các trường trung học cơ sở (THCS) ở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, tác giả xác định các điểm mạnh, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất những khuyến nghị giúp các nhà quản lý giáo dục có những quyết định phù hợp nhằm phát triển văn hóa số trong giáo dục ở Thành phố Hồ Chí Minh nói chung trong thời gian tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về quá trình khảo sát

Mục đích khảo sát: Mục đích khảo sát nhằm đánh giá đúng đắn, khách quan thực trạng phát triển văn hóa số trong các trường THCS tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khách thể khảo sát: Khảo sát 210 người gồm: 37 CBQL, 173 GV được chọn khảo sát ở 07 trường THCS tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phương pháp khảo sát: Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi theo thang đo định lượng Likert 5 mức độ tăng dần từ 1,0 điểm đến 5,0 điểm. Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel Data Analysis để điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và xếp hạng (Nguyễn & Phạm, 2013).

ĐTB được tính theo công thức: $\bar{x} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^n x_i$

Trong đó:

$\bar{x}$: Điểm trung bình

x_i : Điểm ở mức độ i
 x_i : Số người tham gia đánh giá
 n : số mức đánh giá

Định khoảng trung bình là: 0,8, theo đó qui ước đánh giá các mức độ của từng nội dung dựa vào giá trị ĐTB theo quy ước theo bảng 1, như sau:

Bảng 1. Bảng quy ước thang đo

Điểm	Mức độ đạt được	Mức độ đồng ý	Mức độ thực hiện	Mức độ ảnh hưởng (AH)
Từ 1,0 đến 1,80	Kém	Hoàn toàn không đồng ý	Không thực hiện	Không ảnh hưởng
Từ 1,81 đến 2,60	Yếu	Không đồng ý	Ít thực hiện	Ít ảnh hưởng
Từ 2,61 đến 3,40	Trung bình	Phân vân	Trung bình	Ảnh hưởng
Từ 3,41 đến 4,20	Khá	Đồng ý	Khá thường xuyên	Khá ảnh hưởng
Từ 4,21 đến 5,0	Tốt	Hoàn toàn đồng ý	Rất thường xuyên	Rất ảnh hưởng

2.2. Kết quả nghiên cứu về thực trạng phát triển văn hóa số ở các trường trung học cơ sở ở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Thực trạng về vai trò của hiệu trưởng trong phát triển văn hóa số ở các trường trung học cơ sở ở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 1. Đánh giá vai trò của Hiệu trưởng trong việc phát triển văn hóa số trong các trường trung học cơ sở ở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Nội dung	CBQL		GV		Tổng hợp			
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	XH	MD
1	Định hình diện mạo của văn hóa số trong nhà trường	4,11	0,66	4,17	0,67	4,14	0,66	8	Khá ảnh hưởng
2	Định hướng và lãnh đạo chiến lược cho sự phát triển của văn hóa số	4,35	0,59	4,27	0,68	4,31	0,64	1	Rất ảnh hưởng
3	Chịu trách nhiệm phân công, phân cấp hợp lý cho các bộ phận thực hiện	4,32	0,71	4,27	0,69	4,30	0,70	2	Rất ảnh hưởng
4	Quản lý các nguồn lực và tạo điều kiện để phát triển văn hóa số	4,32	0,71	4,26	0,70	4,29	0,71	3	Rất ảnh hưởng
5	Thúc đẩy sự đổi mới và sáng tạo trong nhà trường	4,27	0,83	4,27	0,67	4,27	0,75	4	Rất ảnh hưởng

TT	Nội dung	CBQL		GV		Tổng hợp			
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	XH	MD
6	Điều hành hệ thống quản lý thông tin và xử lý dữ liệu đảm bảo an toàn và bảo mật	4,16	0,80	4,28	0,67	4,22	0,74	7	Rất ảnh hưởng
7	Nâng cao chất lượng giáo dục thông qua đào tạo và phát triển nghề nghiệp trong thời đại số	4,22	0,79	4,25	0,66	4,24	0,73	6	Rất ảnh hưởng
8	Thúc đẩy quan hệ đối tác và cộng đồng xã hội	4,27	0,69	4,22	0,60	4,25	0,65	5	Rất ảnh hưởng

Bảng 1 cung cấp một cái nhìn sâu sắc vào vai trò của Hiệu trưởng trong việc phát triển văn hóa số tại các trường THCS ở Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đánh giá này, có thể nhận thấy và khẳng định rằng Hiệu trưởng đóng một vai trò quan trọng và nhiều chiều trong việc định hình và thúc đẩy văn hóa số trong trường học. ĐTB cao và ĐLC thấp cho mỗi tiêu chí, từ việc “định hình diện mạo của văn hóa số trong nhà trường” đến “thúc đẩy quan hệ đối tác và cộng đồng xã hội”, phản ánh một mức độ ảnh hưởng đáng kể và tích cực từ phía lãnh đạo trường học.

Nội dung (2) với điểm ĐTB cao nhất là 4,31 và xếp loại “Rất ảnh hưởng”. Điều này cho thấy Hiệu trưởng không chỉ là người định hình chiến lược mà còn là người dẫn dắt, tạo ra một hướng đi rõ ràng cho sự phát triển văn hóa số trong nhà trường. Cũng cần chú ý về vai trò của Hiệu trưởng đối với nội dung (3) được đánh giá cao thứ 2 với ĐTB = 4,30 và ĐLC = 0,70. Điều này phản ánh rằng Hiệu trưởng là một chủ thể có trách nhiệm cao nhất, một số trường hợp là trách nhiệm duy nhất được quản lý hiệu quả các nguồn lực, bao gồm cả tài chính và nhân sự, để đảm bảo rằng nhà trường có đủ điều kiện cần thiết cho việc phát triển và duy trì văn hóa số một cách bền vững.

2.2.2. Thực trạng các nội dung phát triển văn hóa số trong các trường trung học cơ sở ở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Văn hóa số trong trường THCS nói chung mà cụ thể là THCS ở Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng hiện nay được thể hiện qua kết quả khảo sát thực trạng việc phát triển các nội dung của văn hóa số trong trường THCS với năm yếu tố trong môi trường số, bao gồm: hệ thống giá trị cốt lõi; văn hóa quản lý; văn hóa giảng dạy; văn hóa học tập và văn hóa ứng xử. Tác giả tiến hành khảo sát, đánh giá dựa theo chu trình PDCA. Cụ thể của từng môi trường được thống kê như sau:

a. Phát triển hệ thống giá trị cốt lõi

Bảng 2. Đánh giá thực trạng phát triển hệ thống giá trị cốt lõi trong các trường trung học cơ sở ở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Bước	CBQL		GV		Tổng hợp			
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	XH	MD
1	Lập kế hoạch	3,90	0,61	4,15	0,66	4,02	0,64	4	Khá
2	Tổ chức thực hiện	4,11	0,61	4,18	0,67	4,15	0,64	1	Khá

TT	Bước	CBQL		GV		Tổng hợp			
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	XH	MĐ
3	Kiểm tra, đánh giá	4,16	0,55	4,13	0,69	4,14	0,62	2	Khá
4	Cải tiến hệ thống giá trị cốt lõi	4,05	0,70	4,17	0,72	4,11	0,71	3	Khá

Dựa trên ĐTB tổng hợp, Bảng 2 cho thấy tổ chức thực hiện phát triển có ĐTB cao nhất (4,15), cho thấy đây là bước được thực hiện tốt nhất trong số 4 bước của PDCA. Điều này có thể báo hiệu rằng CBQL và GV đều dành sự chú trọng và nỗ lực đáng kể trong việc tổ chức và thực hiện các kế hoạch phát triển đã được đề ra. Điểm cao trong tiêu chí này cũng cho thấy sự hiệu quả của quy trình làm việc, sự phối hợp giữa các bộ phận và cá nhân, cũng như sự cam kết chung đối với mục tiêu phát triển hệ thống giá trị cốt lõi. Đánh giá cao giai đoạn này cũng có thể chỉ ra rằng mọi người có một hiểu biết chung về mục tiêu và cách thức để đạt được mục tiêu đó, cũng như có sự linh hoạt và sẵn sàng điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết để đảm bảo tiến triển.

Tuy nhiên, ngược lại với bước tổ chức thực hiện, lập kế hoạch phát triển lại có điểm thấp nhất trong số các tiêu chí (4,02). ĐTB thấp nhất trong số các tiêu chí là 4,02, dù không quá thấp nhưng lại thấp nhất so với các tiêu chí khác, cho thấy có thể còn chỗ để cải thiện, điều chỉnh trong việc lập kế hoạch phát triển. Điều này có thể báo hiệu rằng, mặc dù có sự nỗ lực, nhưng quá trình lập kế hoạch có thể chưa được tối ưu hoá - có thể do thiếu sự rõ ràng trong mục tiêu, thiếu thông tin hoặc kỹ năng lập kế hoạch, hoặc có thể do sự khác biệt trong quan điểm, sự đồng thuận cao của lãnh đạo nhà trường và đội ngũ.

b. Phát triển văn hóa quản lý trong môi trường số

Trong môi trường số, việc phát triển một văn hóa quản lý tích cực và hiệu quả không chỉ là một lợi thế cạnh tranh mà còn là yếu tố then chốt để nâng cao hiệu quả hoạt động và sự linh hoạt của tổ chức.

Bảng 3. Đánh giá thực trạng phát triển văn hóa quản lý trong môi trường số ở các trường trung học cơ sở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Bước	CBQL		GV		Tổng hợp			
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	XH	MĐ
1	Lập kế hoạch	4,03	0,73	4,06	0,63	4,05	0,68	1	Khá
2	Tổ chức thực hiện	3,70	0,81	4,10	0,64	3,90	0,72	2	Khá
3	Kiểm tra, đánh giá	3,68	0,88	4,09	0,67	3,89	0,78	3	Khá
4	Cải tiến văn hóa quản lý trong môi trường số	3,73	0,93	4,04	0,70	3,88	0,82	4	Khá

Kết quả khảo sát ghi nhận ở bảng 3 về thực trạng phát triển văn hóa quản lý trong môi trường số theo chu trình PDCA cho thấy một hình ảnh đáng khích lệ nhưng cũng đầy thử thách, trong đó:

ĐTB tổng hợp của các nội dung khảo sát từ lập kế hoạch đến cải tiến được dao động từ 3,88 đến 4,05 đều nhận đánh giá ở mức “Khá”, không có nội dung nào được đánh giá là “Tốt”.

Điều này đặt ra yêu cầu cho các hiệu trưởng nhà trường cần điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp để thực hiện tốt hơn nội dung này trong văn hóa số, dần nâng cấp từ mức “Khá” lên “Tốt”.

ĐTB trong đánh giá của CBQL cho các nội dung khảo sát hầu hết đều thấp hơn ĐTB trong đánh giá của GV. Điều này là một dấu hiệu tích cực vì mặc dù đánh giá về văn hóa quản lý nhưng CBQL vẫn đánh giá khách quan, khiêm tốn, với tinh thần cầu thị, lắng nghe và nhận định trung thực về hiệu quả các bước trong PDCA trong quá trình quản lý của họ. Nhận định này phản ánh sự tự phê bình và nhận thức sâu sắc, thực tế về những thách thức mà họ gặp phải trong quá trình làm công tác quản lý nhà trường trong thời đại 4.0 hiện nay. Ngoài ra, sự đánh giá này cũng thể hiện GV có sự tôn trọng CBQL qua đánh giá của họ và niềm hi vọng vào sự cải tiến của lực lượng quản lý để tạo ra môi trường số đáp ứng yêu cầu. Điều quan trọng là tổ chức cần nhận diện rõ ràng các yếu tố cản trở và thúc đẩy, từ đó xây dựng các chiến lược cụ thể, dựa trên sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, để đạt được sự cải tiến bền vững.

Bảng khảo sát cho thấy bước cải tiến văn hóa quản lý trong môi trường số là bước khó nhất, đòi hỏi sự chú trọng nhiều hơn vào việc tìm kiếm cơ hội để cải thiện.

c. Phát triển văn hóa giảng dạy trong môi trường số

Bảng 4. Đánh giá thực trạng phát triển văn hóa giảng dạy trong môi trường số ở các trường trung học cơ sở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Bước	CBQL		GV		Tổng hợp			
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	XH	MĐ
1	Lập kế hoạch	4,08	0,82	4,21	0,70	4,14	0,76	3	Khá
2	Tổ chức thực hiện	4,08	0,72	4,19	0,60	4,13	0,66	4	Khá
3	Kiểm tra, đánh giá	4,05	0,85	4,25	0,58	4,15	0,72	2	Khá
4	Cải tiến văn hóa giảng dạy trong môi trường số	4,14	0,79	4,21	0,58	4,18	0,68	1	Tốt

Số liệu thống kê ở Bảng 4 cho thấy giai đoạn “cải tiến văn hóa giảng dạy trong môi trường số” được đánh giá điểm cao nhất là 4,18, phản ánh mức độ cao của việc đảm bảo chất lượng và cũng là thông tin đầu vào vững chắc cho việc lập kế hoạch. Cũng ở nội dung này, nhóm CBQL đánh giá ở mức ĐTB là 4,14 và nhóm GV đánh giá ở mức 4,21, cả 2 cùng nhận định đây là giai đoạn thiết yếu, quan trọng của cả chu trình PDCA trong việc phát triển văn hóa giảng dạy.

Giai đoạn kiểm tra, đánh giá với ĐTB 4,15, dù điểm số giảm nhẹ so với giai đoạn trước, tuy nhiên vẫn thể hiện sự đánh giá cao và nhất quán. Mức độ giảm nhẹ này có thể do thách thức trong việc đánh giá khách quan hiệu quả giảng dạy khi áp dụng phương pháp mới và tích hợp công nghệ.

Giai đoạn lập kế hoạch, đánh giá với ĐTB 4,14, xếp hạng 3, xếp sau giai đoạn cải tiến và kiểm tra đánh giá, đồng nghĩa với việc CBQL và GV chú trọng việc cải tiến và kiểm tra đánh giá để thúc đẩy sự phát triển văn hóa giảng dạy trong môi trường số.

Giai đoạn tổ chức thực hiện có ĐTB thấp nhất 4,13, mặc dù xếp thứ hạng 4/4 nhưng vẫn ở mức cao trong thang đánh giá, cả CBQL và GV đều cho rằng việc tổ chức thực hiện phát triển văn hóa giảng dạy trong môi trường số được sự đồng thuận cao.

d. Phát triển văn hóa học tập trong môi trường số

Bảng 5. Đánh giá thực trạng phát triển văn hóa học tập trong môi trường số ở các trường trung học cơ sở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Bước	CBQL		GV		Tổng hợp			
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	XH	MĐ
1	Lập kế hoạch	3,97	0,73	4,21	0,63	4,09	0,68	3	Khá
2	Tổ chức thực hiện	4,00	0,76	4,21	0,64	4,11	0,70	2	Khá
3	Kiểm tra, đánh giá	3,98	0,76	4,16	0,64	4,07	0,70	4	Khá
4	Cải tiến văn hóa học tập trong môi trường số	4,05	0,81	4,19	0,62	4,12	0,72	1	Khá

Bảng 5 cung cấp cái nhìn tổng quan về kết quả khảo sát phát triển văn hóa học tập trong môi trường số tại các trường THCS theo chu trình PDCA, cho thấy mỗi giai đoạn đạt mức “Khá” với ĐTB từ 4,07 đến 4,12. Giai đoạn “Cải tiến văn hóa học tập trong môi trường số” có ĐTB cao nhất là 4,12, tiếp theo là giai đoạn “Tổ chức thực hiện” có ĐTB là 4,11 (xếp hạng 2). Giai đoạn “Kiểm tra, đánh giá” có điểm ĐTB thấp nhất là 4,07 và xếp hạng 4. Một điểm cũng cần xem xét, đối với giai đoạn “Lập kế hoạch” ở nhóm CBQL có ĐTB là 3,97 nhưng đối với GV có ĐTB là 4,21, cho thấy GV đánh giá và có kỳ vọng cao đối với công tác lập kế hoạch. Phỏng vấn sâu với CBQL tại 06/07 trường cho thấy việc đánh giá, kiểm tra phát triển văn hóa học tập hiện nay phải đối mặt với các thách thức về việc thiết lập các tiêu chí đánh giá rõ ràng và khách quan. Điều này đòi hỏi một sự hiểu biết sâu sắc của CBQL, GV về mục tiêu, yêu cầu và kỹ năng đánh giá hiệu quả các hoạt động trong môi trường số.

e. Phát triển văn hóa ứng xử trong môi trường số

Bảng 6. Đánh giá thực trạng phát triển văn hóa ứng xử trong môi trường số trong các trường trung học cơ sở ở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Bước	CBQL		GV		Tổng hợp			
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	XH	MĐ
1	Lập kế hoạch	4,08	0,83	4,16	0,66	4,12	0,75	1	Khá
2	Tổ chức thực hiện	3,95	0,78	4,20	0,63	4,08	0,71	2	Khá
3	Kiểm tra, đánh giá	3,95	0,85	4,09	0,67	4,02	0,76	3	Khá
4	Cải tiến văn hóa ứng xử trong môi trường số	3,78	0,82	4,11	0,69	3,95	0,75	4	Khá

Kết quả trên cho thấy trong quá trình phát triển văn hóa ứng xử tại các trường THCS ở Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn “Lập kế hoạch” nhận được sự quan tâm lớn nhất, với ĐTB cao nhất là 4,12, nhấn mạnh sự cần thiết của việc lên kế hoạch chi tiết và cẩn thận. Điều này phản ánh rõ nỗ lực của nhà trường trong việc áp dụng các chiến lược vào thực tiễn, qua đó mang lại sự thay đổi tích cực trong văn hóa ứng xử. Tiếp theo, giai đoạn “Tổ chức thực hiện” với ĐTB là 4,08, được xem là bước triển khai kế hoạch vào thực tiễn, đặt nền móng cho quá trình phát triển. Tuy nhiên, bước “Kiểm tra” và “Cải tiến” với điểm thấp hơn

và xếp hạng thứ ba và thứ tư tương ứng, cho thấy những thách thức trong việc đánh giá và cải tiến quá trình phát triển văn hóa ứng xử, cần sự chú trọng và cải thiện trong tương lai để tăng hiệu quả của toàn bộ quá trình.

Điểm đáng chú ý nhất trong bảng 6 là sự chênh lệch rõ ràng ở nội dung “Cải tiến văn hóa ứng xử”, nơi CBQL đánh giá thấp nhất với 3,78 so với 4,11 của GV. Sự chênh lệch này có thể phản ánh sự khác biệt trong sự nhìn nhận và đánh giá về hiệu quả của các biện pháp cải tiến văn hóa ứng xử giữa CBQL và GV.

Như vậy, dù những thách thức này là đáng kể, nhưng trong nguy có cơ, đây cũng chính là cơ hội để lực lượng CBQL nhìn nhận khách quan, xem xét và cải thiện quy trình, phương pháp tiếp cận và chiến lược trong tương lai nhằm phát triển một văn hóa ứng xử tích cực và hiệu quả hơn trong môi trường số của trường học.

2.2.3. Thực trạng các điều kiện hỗ trợ phát triển văn hóa số trong các trường trung học cơ sở ở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 7. Đánh giá thực trạng các điều kiện hỗ trợ phát triển văn hóa số trong các trường trung học cơ sở ở quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Bước	CBQL		GV		Tổng hợp			
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	XH	MĐ
1	Nguồn nhân lực	3,70	0,78	3,80	0,77	3,75	0,76	2	Khá
2	Nguồn vật lực	3,78	0,67	4,02	0,74	3,90	0,71	1	Khá
3	Nguồn tài lực	3,62	0,68	3,87	0,83	3,74	0,75	3	Khá
4	Nguồn tin lực	3,68	0,63	3,72	0,85	3,70	0,74	4	Khá

Kết quả khảo sát ghi nhận ở Bảng 7 cho thấy: cả 4 nội dung khảo sát đều được đánh giá ở mức độ Khá với ĐTB từ 3,70 đến 3,90.

Điều kiện về nguồn tin lực (hệ thống pháp lý, hệ thống thông tin, dữ liệu) được đánh giá ở mức độ thấp nhất (ĐTB: 3,70, xếp hạng 4/4). Trong khi đó, điều kiện về nguồn vật lực được đánh giá ở mức độ cao nhất (ĐTB: 3,90, xếp hạng 1/4), tiếp đến là nguồn nhân lực (ĐTB: 3,75, xếp hạng 2/4) rồi nguồn tài lực (ĐTB: 3,74, xếp hạng 3/4). Điều này cho thấy, trong khi nguồn vật lực như thiết bị và cơ sở vật chất đã được quan tâm chú trọng thì sự đầu tư vào nhân lực, tài lực và tin lực vẫn cần được cải thiện để hỗ trợ một cách toàn diện cho sự phát triển của văn hóa số trong nhà trường.

Mặc dù nguồn nhân lực đạt ở mức “Khá” với ĐTB: 3,75 nhưng con số chưa thể hiện sự tích cực trong bối cảnh phát triển văn hóa số. Điều này hoàn toàn phù hợp với giai đoạn hiện nay, khi các vấn đề về CDS mới chính thức được đưa vào hệ thống giáo dục chưa lâu, phát sinh nhiều yêu cầu mới, nguồn nhân lực gặp phải những thách thức đa chiều, phản ánh thực trạng thách thức mà nhà quản lý giáo dục và người GV đang phải đối mặt, từ việc cập nhật kỹ năng số đến việc áp dụng công nghệ mới trong giảng dạy và quản lý, rút ngắn khoảng cách giữa các thế hệ trong nhà trường. Điều này cho thấy một nhu cầu cấp thiết trong việc đầu tư vào đào tạo, phát triển kỹ năng và tăng cường năng lực cho đội ngũ GV và CBQL, nhằm trang bị cho họ những công cụ và kiến thức cần thiết để chủ động tham gia và dẫn dắt quá trình CDS một cách hiệu quả hơn.

Nguồn tin lực, với ĐTB 3,70 và DLC 0,74, được xếp hạng thấp nhất và đánh giá là “Khá”. Điểm này cho thấy nhu cầu tập trung vào việc xây dựng và cập nhật các chính sách, quy định pháp luật, dữ liệu được số hóa rõ ràng, minh bạch, cũng như cung cấp thông tin cần thiết một cách kịp thời và hiệu quả, để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai văn hóa số. Sự cải thiện trong nguồn tin lực sẽ đóng góp vào việc tạo dựng một môi trường pháp lý và chính sách ổn định, làm nền tảng vững chắc cho các sáng kiến và dự án văn hóa số.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát tại 07 trường THCS ở quận Bình Tân cho thấy quá trình phát triển văn hóa số trong nhà trường đã hình thành nền tảng tích cực nhưng chưa đồng đều giữa các thành tố (hệ thống giá trị cốt lõi; văn hóa quản lý; văn hóa giảng dạy; văn hóa học tập và văn hóa ứng xử). Vai trò của hiệu trưởng được đánh giá có mức độ ảnh hưởng rất cao, khẳng định tầm quan trọng của lãnh đạo nhà trường trong định hướng, huy động nguồn lực và duy trì kỷ luật thực thi theo chu trình PDCA. Văn hóa giảng dạy và hệ giá trị cốt lõi đạt mức “khá” và tiệm cận ở mức “tốt”, phản ánh sự chuyển đổi nhận thức và hành vi nghề nghiệp của đội ngũ theo hướng số hóa hoạt động chuyên môn. Ngược lại, văn hóa quản lý, văn hóa học tập và văn hóa ứng xử mới ở mức “khá”, cho thấy nhu cầu tiếp tục hoàn thiện các cơ chế phối hợp, học tập nghề nghiệp liên tục và chuẩn mực giao tiếp số trong toàn trường.

Từ những đánh giá nêu trên, các nhà quản lý giáo dục cần tập trung vào: (i) củng cố thể chế và quy trình dữ liệu (chuẩn hóa, chia sẻ, bảo lưu thông tin của ngành giáo dục); (ii) nâng cao năng lực quản trị số ở cấp tổ/nhóm/khối và cơ chế học tập thường xuyên; (iii) hoàn thiện quy tắc ứng xử trên môi trường số gắn với giá trị cốt lõi của nhà trường. Việc vận hành nghiêm túc chu trình PDCA - đặt mục tiêu rõ, đo lường minh bạch, cải tiến liên tục - sẽ là đòn bẩy nâng chất văn hóa số, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học và quản trị trường học trong giai đoạn tới.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Quy định Khung năng lực số cho người học*.
- Cao, D. C. (2023). Áp dụng PDCA vào cải tiến chất lượng dạy học của giảng viên ở các trường đại học sư phạm kỹ thuật. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(5), 20-25. http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/khdgvn_-_tap_19_-_so_05_-_bai_04-20-25.pdf.
- Hoàng, H. (2024). Mô hình lý thuyết về ảnh hưởng của lãnh đạo số và sự linh hoạt của tổ chức đến sự sẵn sàng chuyển đổi số. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, 22(2), 20-25. <https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/8867>.
- Nguyễn, T. H. Y., Nguyễn, T. T., & Phan, T. Đ. (2022). Xây dựng văn hóa trường học - Môi trường tốt nhất để giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh phổ thông. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(1), 1-7. http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/khdg_tap_18_-_so_01_nam_2022-1-7_1.pdf.
- Nguyễn, T. T. M., Đỗ, Đ. T., & Trương, T. Đ. (2024). Văn hóa số trong các trường trung học cơ sở công lập Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(S1), 148-154. http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/khdgvn_-_tap_20_-_so_s1_-148-154.pdf.
- Nguyễn, V. Đ., & Phạm, M. H. (2013). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.

- Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 về phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030*.
- Trần, N. H. (2023). Phát triển văn hóa số cho sinh viên trong xu thế chuyển đổi số tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng*, 25, 123–130. <https://doi.org/10.59294/HIUIJS.25.2023.511>.
- Vân An (lược dịch). (2023). Chuyển đổi số trong nhà trường: Vấn đề quản lí và văn hoá. *Tạp chí Giáo dục*. [Nguồn Fahriye Altınay, Gokmen Dagli, Zehra Altınay (2016). *Digital Transformation in School Management and Culture*. IntechOpen, DOI: 10.5772/65221]. Truy cập từ <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/88044/225/chuyen-doi-so-trong-nha-truong-van-de-quan-li-va-van-hoa/>.